

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-ST.

Ngày: 14-9-2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồ.

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim Hồng L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: đường THĐ, Phường A, thành phố MT, tỉnh TG.

Bà L ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp C, xã TA, thành phố MT, tỉnh TG theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Trần Anh P, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: đường NH, Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L là ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Vào ngày 21/11/2015, bà L có cho ông Trần Anh P vay số tiền 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Khi vay có làm hợp đồng, có công chứng, khi giao tiền có lập biên nhận. Khi thỏa thuận vay và giao nhận tiền không có sự tham gia của vợ ông P. Sau khi nhận tiền xong thì ông P không trả lãi, không trả vốn và cũng không liên hệ được cho đến nay.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông Trần Anh P phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn vay là 2.200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ 24/12/2015 đến 24/12/2018 là 36 tháng, thành tiền là 594.000.000. Bà L chỉ yêu cầu bản thân ông P có trách nhiệm trả số tiền này, tự nguyện không yêu cầu vợ ông P phải liên đới trả nợ do khi thỏa thuận vay và khi

giao tiền không có sự tham gia của vợ ông P và không yêu cầu tính lãi từ ngày 25/12/2018 đến khi xét xử.

Ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Kim Hồng L khởi kiện ông Trần Anh P tranh chấp tiền vay. Theo đơn khởi kiện, ông P cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre không tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông P được do ông P không còn cư trú tại địa chỉ đã được ghi trong đơn khởi kiện và trong “*Hợp đồng mượn tài sản*” ngày 24/11/2015, việc ông P thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà L biết nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L:

- Bà L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là “*Hợp đồng mượn tài sản*” và “*Biên nhận*” cùng được lập vào ngày 24/11/2015. “*Hợp đồng mượn tài sản*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Mê Kông - tỉnh Tiền Giang và “*Biên nhận*” có chữ ký của ông P nên chứng cứ mà bà L cung cấp có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

- Hội đồng xét xử xét thấy nội dung của “*Hợp đồng mượn tài sản*” và “*Biên nhận*” cùng ngày 24/11/2015 đều thể hiện ông P có mượn bà L số tiền 2.200.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định ông P còn nợ bà L 2.200.000.000 đồng vốn vay nên buộc ông P phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền này.

- Trong nội dung của “*Hợp đồng mượn tài sản*” và “*Biên nhận*” cùng ngày 24/11/2015 có ghi nhận thời hạn mượn 01 tháng nhưng không ghi nhận thỏa thuận giữa hai bên về lãi suất vay 1% như nguyên đơn trình bày nên đây được xem là hợp đồng vay tài sản không có lãi. Theo quy định tại Điều 249 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm nhưng chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ Luật dân sự. Trong vụ án này, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết nhưng các bên đương sự không yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu

nên Tòa án vẫn giải quyết theo thủ tục chung. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 24/12/2015 đến ngày 24/12/2018 là 36 tháng với mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng quá hạn chưa trả của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận và được tính như sau: $2.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 36 \text{ tháng} = 594.000.000 \text{ đồng}$.

- Bà L tự nguyện không yêu cầu tính lãi từ ngày 25/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm và không yêu cầu vợ ông P có trách nhiệm liên đới với ông P để trả nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Anh P phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim Hồng L số tiền vốn vay 2.200.000.000 đồng và 594.000.000 đồng tiền lãi.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 87.880.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.
- Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Hồng L.

- Buộc ông Trần Anh P phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim Hồng L số tiền vốn vay 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng và 594.000.000 (Năm trăm chín mươi bốn triệu) đồng tiền lãi tính từ ngày 24/12/2015 đến ngày 24/12/2018.

- Ghi nhận Bà Nguyễn Kim Hồng L tự nguyện không yêu cầu tính lãi từ ngày 25/12/2018 đến khi xét xử sơ thẩm và không yêu cầu vợ ông Trần Anh P có trách nhiệm liên đới với ông Trần Anh P trả nợ cho bà.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Anh P phải nộp 87.880.000 (Tám mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng

- Bà Nguyễn Kim Hồng L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.910.000 (Bốn mươi bảy triệu chín trăm mười ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011904 ngày 25/6/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương